

Bản án số: 68/2023/DS-ST
Ngày 20/9/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- *Thẩm phán Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Xuân Chung;
- Ông Đỗ Tiến Chinh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thanh Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/9/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2023/TLST-DS ngày 11/7/2023 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 92/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2023/QĐST-DS ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1968

Địa chỉ: phố B1, thị trấn Đ, huyện L1 tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Phan Văn Th, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn Ng, xã Ch, huyện L1 tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1966.

Địa chỉ: phố B1, thị trấn Đ, huyện L1, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Nguyễn Thảo L, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Thôn Ng, xã Ch, huyện L1, tỉnh Bắc Giang.

(Bà B, anh Th và ông D xin vắng mặt; chị L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn, bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Đề nghị Tòa án:

1. Công nhận hợp đồng vay tài sản ngày 27/12/2021 giữa bên cho vay là chị Nguyễn Thị B và bên vay là anh Phan Văn Th, tài sản cho vay là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc anh Phan Văn Th phải trả tiền: Nợ gốc: 194.000.000 đồng, nợ lãi: 35.320.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 229.320.000 đồng và lãi suất tiếp theo cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ khi bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật, bà B có đơn đề nghị thi hành án mà anh Th không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là:

Bà và anh Phan Văn Th có quen biết xã hội, thông qua người quen của bà. Ngày 21/12/2021 anh Th gặp bà nói đang cần tiền trả nợ Ngân hàng, muốn vay tiền 1 tháng để trả nợ Ngân hàng. Do chỗ quen biết, nên bà đồng ý cho vay 200.000.000 đồng, thời hạn 1 tháng, lãi suất 1%/tháng cho đến khi trả hết nợ. Nếu anh Th không trả được nợ khi đến hạn, thì anh Th phải tiếp tục trả lãi 1%/tháng.

Sau khi thỏa thuận xong, bà đã giao cho anh Th đủ 200.000.000 đồng, anh Th đã viết giấy biên nhận cho bà. Trong giấy biên nhận không ghi lãi suất, nhưng hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng. Đến hạn bà đã đòi nhiều lần, nhưng anh Th không trả, bà gọi điện thoại anh Th không nghe máy. Đến nay anh Th đã trả cho bà được 6.000.000 đồng nợ gốc, còn lại chưa trả đồng nào.

Tại đơn khởi kiện bà xác định anh Th nợ gốc là 196.000.000 đồng là do bà trừ sai. Nay bà xác định anh Th còn nợ bà 194.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi là 35.320.000 đồng.

Vợ anh Th là chị Nguyễn Thảo L không tham gia vay tiền và không liên quan gì đến việc vay tiền này.

** Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn anh Phan Văn Th trình bày: Anh xác nhận ngày 27/12/2021 có vay của bà Nguyễn Thị B 200.000.000 đồng, mục đích vay tiền là anh cho người khác vay lại. Trong giấy ghi lý do vay để đảo sổ Ngân hàng, thực tế là anh không nợ Ngân hàng, bà B nói phải ghi như vậy,*

nên anh ghi để bà B cho vay; thời hạn vay: Vay không thời hạn, khi nào có thì anh trả; lãi suất thỏa thuận miệng là 1%/tháng.

Sau khi thỏa thuận xong, bà B đã giao cho anh 200.000.000 đồng, anh đã nhận tiền và viết giấy vay tiền.

Anh đã trả cho chị B được 24.000.000 đồng, anh không nhớ rõ, tiền anh trả bà B là đưa tay. Do anh không có tiền trả, nên bà B có đòi, anh chưa trả được tiền cho bà B.

Vợ anh là Nguyễn Thị L không liên quan gì đến việc vay tiền, khi vay anh không nói gì cho chị L biết.

Nay anh xác định có vay tiền của bà B 200.000.000 đồng ngày 27/12/2021 là đúng.

Bà B trình bày trả đã trả nợ gốc được 6.000.000 đồng là đúng, anh chấp nhận. Nay anh còn nợ bà B 194.000.000 đồng.

Bà B yêu cầu anh trả lãi 1%/tháng. Anh xác nhận khi vay có thỏa thuận lãi 1%/tháng cho đến khi trả xong nợ. Số tiền lãi bà B yêu cầu để anh và bà B thỏa thuận khoản lãi.

Tại giấy vay tiền, anh xác nhận chữ viết và chữ ký mục người vay tiền là do anh ký và viết ra, nội dung ghi trong giấy là anh viết ra.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn D trình xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và phiên tòa, mọi văn bản giấy tờ của Tòa án giao cho bà Nguyễn Thị B nhận thay, ông ủy quyền cho bà B tham gia tố tụng.

- Chị Nguyễn Thảo L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng chị L vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa.

* Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bà Nguyễn Thị B, anh Phan Văn Th và ông Nguyễn Văn D xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng

dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Buộc anh Phan Văn Th phải có trách nhiệm trả cho bà B tổng số tiền là tổng cả gốc và lãi là 234.350.400 đồng, trong đó, tiền gốc là 194.000.000 đồng, tiền lãi 40.350.400 đồng.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ chậm trả tiền: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Anh Th phải chịu 11.717.500 đồng án phí dân sự.

Trả lại cho bà B 6.083.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị quyền kháng cáo cho các đương sự theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị B đề nghị công nhận hợp đồng vay tài sản ngày 27/12/2021 giữa bà B và anh Th có hiệu lực pháp luật và yêu cầu bị đơn anh Th phải trả số tiền đã vay. Do đó xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự, mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo qui định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự, bị đơn cư trú tại huyện Lục Nam. Theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam. Do đó Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý vụ án là đúng qui định.

[1.3] về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Nguyễn Thị B, anh Phan Văn Th và ông Nguyễn Văn D xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo qui định tại khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

Chị Nguyễn Thảo L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần, nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị L theo qui định tại khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B về đề nghị: Công nhận hợp đồng vay tài sản ngày 27/12/2021 giữa bên cho vay là chị Nguyễn Thị B và bên vay là anh Phan Văn Th, tài sản cho vay là 200.000.000 đồng có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy: Bà Nguyễn Thị B và anh Phan Văn Th có quan hệ xã hội. Ngày 27/12/2021 bà B và anh Th có thỏa thuận giao kết hợp đồng vay tài sản. Trong đó bà B là bên cho vay, còn anh Th là bên vay; tài sản cho vay là tiền Việt Nam đồng. Sau khi thỏa thuận xong, bà B đã cho anh Th vay 200.000.000 đồng. Trong giấy vay tiền không ghi lãi suất, nhưng các bên có thỏa thuận lãi bằng miệng là 1%/tháng cho đến khi trả hết nợ. Sau khi thỏa thuận xong, bà B đã giao đủ tiền cho anh Th. Điều này các bên đều công nhận. Căn cứ Điều 92 của BLTTDS thì đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

Bà B cho rằng thời hạn vay 1 tháng anh Th phải trả, còn anh Th cho rằng vay không thời hạn. Căn cứ vào giấy vay tiền các bên thỏa thuận ghi, thì không có thời hạn trả nợ. Do đó cần xác định hợp đồng vay tài sản không thời hạn.

Như vậy, hợp đồng vay tài sản trên đã được các bên ký kết và thực hiện. Căn cứ vào các Điều: 116, 117, 118, 119, 463, 464, 465, 466 của BLDS thì các bên thực hiện giao kết hợp đồng vay tài sản đúng về mặt chủ thể, hình thức, mục đích, nội dung và bên cho vay đã giao tài sản là 200.000.000 đồng, bên vay đã nhận tài sản là 200.000.000 đồng theo như hợp đồng đầy đủ.

Do đó cần công nhận đồng vay tài sản ngày 27/12/2021 giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị B và bên vay là anh Phan Văn Th, tài sản cho vay là 200.000.000 đồng có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn

Bà B yêu cầu anh Th phải trả nợ gốc là 194.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy:

Tại lời khai ngày 01/8/2023 anh Th khai: *“Do tôi không có tiền trả, nên chị B có đòi, tôi chưa trả được tiền cho chị B”*.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/8/2023 anh Th trình bày: Anh đồng ý trả bà B 194.000.000 nợ gốc và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày vay.

Như vậy, bà B đã yêu cầu anh Th trả nợ gốc và lãi, nhưng anh Th không có tiền trả, nên quyền và lợi ích của bà B đã bị xâm phạm. Bà B đã khởi kiện ra Tòa án là đúng quy định. Anh Th đồng ý trả bà B 194.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất

1%/tháng là phù hợp và đúng qui định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 và Điều 469 của BLDS.

Do đó cần buộc anh Th phải trả nợ bà B nợ gốc là 194.000.000 đồng.

Về lãi suất: Ngày vay là ngày 27/12/2021, đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/9/2023, tổng cộng là 01 năm 08 tháng 24 ngày.

$194.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 01 \text{ năm } 08 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 40.350.400 \text{ đồng}.$

Cả gốc và lãi là: $194.000.000 \text{ đồng} + 40.350.400 \text{ đồng} = 234.350.400 \text{ đồng}.$

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Đối với ý kiến anh Th đề nghị được trả bà B 10.000.000 đồng/tháng. Bà B không đồng ý. Do đó không chấp nhận lời đề nghị của anh Th.

- Đối với lời khai của anh Th ngày 01/8/2023, anh Th cho rằng bà B tính lãi anh với số tiền 1.000 đồng/1 triệu/ngày; bà B không công nhận; anh Th không đưa ra được tài liệu gì chứng minh gì chứng minh cho việc này. Do đó không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của anh Th.

- Chị Nguyễn Thị L là vợ anh Th không liên quan gì đến việc vay tiền, khi vay anh Th không nói gì chị L biết; bà B cũng không yêu cầu chị L phải trả nợ cùng anh Th. Do đó không buộc chị L phải có nghĩa vụ trả nợ cùng anh Th.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Th phải chịu tiền án phí trên số tiền phải trả bà B.

$234.350.400 \text{ đồng} \times 5\% = 11.717.500 \text{ đồng}.$

Trả lại bà B tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.083.000 đồng.

[2.4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Báo cho các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng D bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 116, 117, 118, 119, 357, 463, 464, 465, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự.

Các Điều: Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 150, khoản 1 và 3 Điều 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Công nhận hợp đồng vay tài sản ngày 27/12/2021 giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị B và bên vay là anh Phan Văn Th, tài sản cho vay là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) có hiệu lực pháp luật.

2. Buộc anh Phan Văn Th phải trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền là:

- Nợ gốc: 194.000.000 đồng (một trăm chín mươi tư triệu đồng);

- Nợ lãi: 40.350.400 đồng (bốn mươi triệu ba trăm năm mươi ngàn bốn trăm đồng).

Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là: 234.350.400 đồng (hai trăm ba mươi tư triệu ba trăm năm mươi ngàn bốn trăm đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Anh Phan Văn Th phải chịu 11.717.500 đồng (mười một triệu bảy trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Nguyễn Thị B 6.083.000 đồng (sáu triệu không trăm tám mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: 0014683 ngày 11/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng D bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS, VT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh